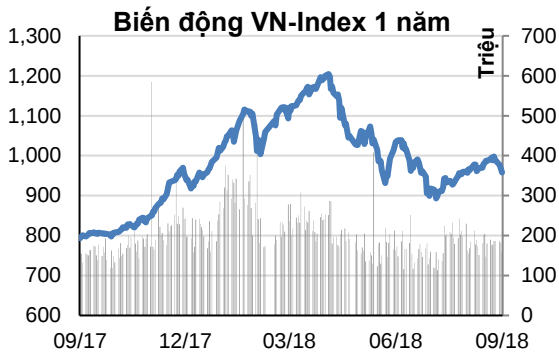


Biến động thị trường

	14/09	1T (%)	3T (%)
VN Index	991	1.3%	-2.4%
GTGD	4,505	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	135	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Duy trì đà tăng

- Thị trường chứng khoán tăng trưởng phiên thứ 6 liên tiếp. Theo đó, VN-Index tăng nhẹ 0.34% và đóng cửa tại mức 991.34 điểm. Khối lượng khớp lệnh đạt 149 triệu cổ phiếu tương đương 3,528 tỷ đồng giá trị.
- Trên sàn HSX, độ rộng thị trường gần như cân bằng khi có 158 mã tăng và 127 mã giảm. Các chỉ số diễn biến trái chiều với VN30-Index và VNSmall-Index tăng lần lượt 0.33% và 0.40% trong khi đó VNMid-Index lại điều chỉnh nhẹ 0.03%.
- Nhóm ngân hàng trở thành đầu tàu nâng đỡ xu hướng chung nhờ VCB (+1.7%) và CTG (+1.1%). Trong khi đó, một số cổ phiếu trong VN30-Index cũng có sự bứt phá mạnh như BMP, CII, FPT, PLX và SBT.
- Dầu khí phân hóa trong khi PVD và PVS tăng mạnh trên 1% thì PVT đóng cửa trong sắc đỏ và GAS không biến động.
- Khối ngoại quay lại mua ròng với giá trị 135 tỷ đồng. VNM, VCB và KDC được mua vào nhiều nhất với giá trị 38.6 tỷ đồng, 33.2 tỷ đồng và 30.8 tỷ đồng. Ở chiều bán, nhóm này bán mạnh ở các mã MSN, CII, VCI.

Nhận định thị trường: Giai đoạn tăng trưởng tiếp tục được duy trì với tâm lý tích cực trở lại. Tuy nhiên, rủi ro vẫn còn khi VN-Index tiếp cận mốc kháng cự tâm lý 1,000 điểm. Vì thế, nhà đầu tư cần thận trọng và chờ đợi tín hiệu phá vỡ trước khi hành động.

Trái phiếu và Hàng hóa

	14-09	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	3.888%	4.070%	2.345%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.037%	4.300%	3.130%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.025%	5.063%	4.800%
Dầu WTI (\$/thùng)	68.84	67.04	66.89
Gold (\$/oz)	1,207	1,194	1,302

Nguồn: Bloomberg

Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	19.9	16.9	14.3

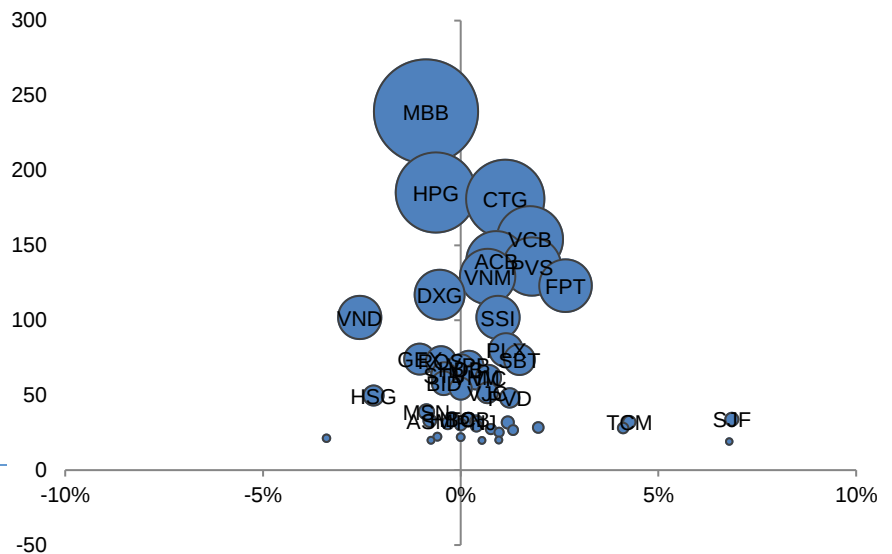
Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468
Phat.pt@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464
Hieu.ttm@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 940-950

Kháng cự 1: 1,000-1,010

Hỗ trợ 2: 885-890

Kháng cự 2: 1,035-1,040

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



VN-Index tiếp tục chứng lại tại ngưỡng 78.6% Fibonacci Retracement và trendline kháng cự ngắn hạn. Khối lượng khớp lệnh đạt 150 triệu đơn vị vẫn đang ở mức cao nhưng đang có chiều hướng giảm nhẹ. Vùng hỗ trợ ngắn hạn tọa lạc tại 982-985 điểm và nếu bị phá vỡ tín hiệu kỹ thuật của VN-Index sẽ chuyển qua trạng thái tiêu cực.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), chỉ số đang trong nhịp hồi phục từ cuối tuần trước với kháng cự quanh 996-1,000 điểm, mức cao gần đây. Giá đang trong vùng kháng cự mạnh và các lần test ở các phiên gần đây của chỉ số đều chưa thể vượt qua. Vì vậy, diễn biến giá trong các phiên tới sẽ cho tín hiệu break-out hoặc break-down. Nhìn rộng ra xu hướng trung hạn của VN-Index vẫn đang đi ngang phản ánh sự tích lũy của giá.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ cuối tháng 05/2018 với mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) với sóng C dự phóng đạt mục tiêu vùng 1,000-1,012 điểm.

Hành động

VN-Index đang trong vùng giá quan trọng. Nhà đầu tư nên duy trì một tỷ trọng cổ phiếu thấp và chờ đợi tín hiệu break-out hoặc break-down của giá trong thời gian tới.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX				Tăng / Giảm		Tăng / Giảm (%)		Thống kê tăng/giảm			
VN-Index	991			3.39		0.3%		SL CP tăng giá	158		
KLGD ('000 cổ phiếu)	178,484			5,581		3.2%		SL CP giảm giá	127		
GTGD (tỷ VND)	4,505			664		17.3%		SL CP không đổi	80		
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
VCB	64,000	1,100	1.25	MSN	91,600	-800	-0.293	MBB	22,600	10.57	239.4
VIC	101,000	700	0.70	BVH	97,700	1,300	-0.287	HPG	39,500	4.65	185.3
VNM	133,000	900	0.41	HPG	39,500	-250	-0.167	CTG	26,950	6.68	181.0
CTG	26,950	300	0.35	BID	34,850	-150	-0.161	VCB	64,000	2.41	154.1
VHM	105,500	400	0.34	MBB	22,600	-200	-0.136	VNM	133,000	0.97	129.3
Top 5 Ngành Tăng			Tác động Index	Top 5 Ngành Giảm			Tác động Index				
Ngành	Tăng/ Giảm		Điểm	Ngành	Tăng/ Giảm		Điểm				
	%				%						
CNTT	2.5%		0.24	Y Tế	-0.7%		-0.07				
Công nghiệp	2.3%		0.05	Nguyên vật liệu	-0.3%		-0.14				
Năng lượng	1.0%		0.34		0.0%		0.00				
TD thiết yếu	0.6%		0.63		0.0%		0.00				
TD không thiết yếu	0.6%		0.17		0.0%		0.00				

SÀN GIAO DỊCH HNX				Tăng / Giảm		Tăng / Giảm (%)		Thống kê tăng/giảm			
HNX-Index	113			0.71		0.6%		SL CP tăng giá	113		
KLGD ('000 cổ phiếu)	40,849			-14,726		-26.5%		SL CP giảm giá	62		
GTGD (tỷ VND)	587			-161		-21.6%		SL CP không đổi	200		
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
ACB	33,700	300	0.38	NTP	45,800	3,800	-0.11	ACB	33,700	4.14	139.5
SHB	8,500	100	0.11	DTD	14,000	1,500	-0.02	PVS	22,600	6.04	135.9
PVS	22,600	400	0.09	CEO	13,600	-200	-0.02	SHB	8,500	6.41	31.8
NVB	8,700	200	0.06	HUT	5,000	-100	-0.02	SHS	15,300	1.75	26.7
MBS	17,300	1,100	0.04	VCG	17,500	-200	-0.01	VCS	93,700	0.27	25.2
Top 5 Ngành Tăng			Tác động Index	Top 5 Ngành Giảm			Tác động Index				
Ngành	Tăng/ Giảm		Điểm	Ngành	Tăng/ Giảm		Điểm				
	%				%						
CNTT	43.8%		0.00	Bất động sản	-0.3%		-0.04				
Khác	17.6%		-0.02		0.0%		0.00				
TD thiết yếu	7.2%		0.07		0.0%		0.00				
Nguyên vật liệu	6.1%		0.06		0.0%		0.00				
Năng lượng	5.3%		0.11		0.0%		0.00				

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VNM	133,000	97.2	58.5	38.6
VCB	64,000	38.8	5.6	33.2
KDC	30,750	31.0	0.2	30.8
DXG	28,000	49.5	20.7	28.8
GEX	28,600	23.5	1.6	22.0

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
MSN	91,600	39.9	64.3	-24.4
CII	26,000	0.1	15.6	-15.4
VCI	61,500	0.0	11.6	-11.6
DHG	92,500	0.1	9.8	-9.7
NCT	70,000	0.6	10.2	-9.6

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

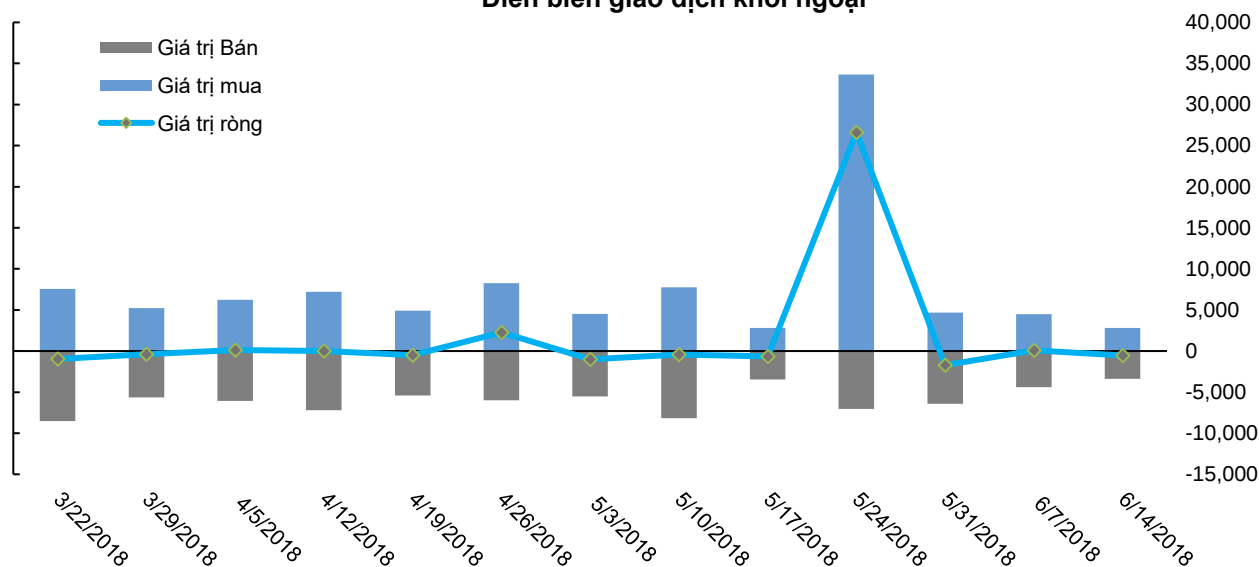
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	22,600	25.2	0.7	24.5
SHS	15,300	3.1	0.7	2.4
MBS	17,300	1.5	0.0	1.5
PLC	17,100	0.3	0.0	0.3
PMC	59,000	0.3	0.0	0.3

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VGC	18,700	0.0	1.7	-1.7
HAD	46,300	0.5	1.2	-0.7
WCS	126,800	0.0	0.0	0.0
PVC	7,500	0.1	0.4	-0.3
ICG	7,200	0.0	0.3	-0.3

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 920

Kháng cự 1: 960

Hỗ trợ 2: 900

Kháng cự 2: 975



Nhận định xu hướng: VN30-Index tiếp tục chứng lại tại đường MA(100). Tâm lý nhà đầu tư đang lưỡng lự tại vùng kháng cự 963-970 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cho trạng thái tích cực hơn khi RSI vừa cắt lên MA(10) của chỉ báo trong khi MACD đang tiệm cận đường Signal từ bên dưới. Tuy nhiên, xu hướng của chỉ số vẫn chưa thực sự rõ ràng trong ngắn hạn.

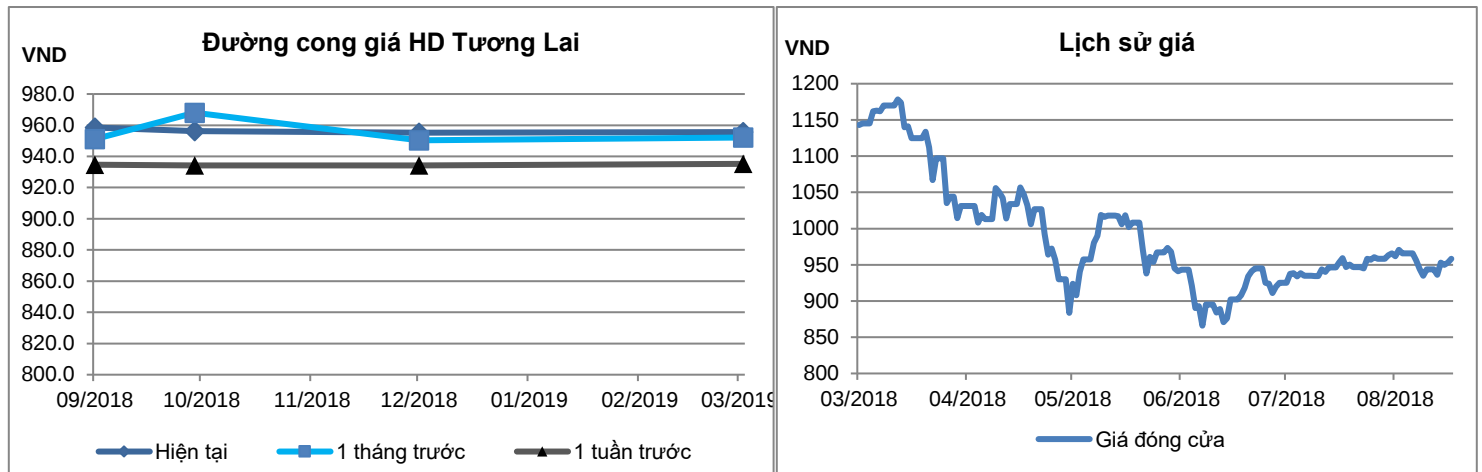
Chiến lược đầu tư:

Kịch bản mà chúng tôi kỳ vọng xảy ra:

- Long trong phiên khi giá VN30F1809 duy trì trên 953 điểm. Mục tiêu 960 điểm. Dừng lỗ khi giá thủng 953 điểm.
- Short VN30F1809 khi giá thủng vùng 952-953 điểm. Mục tiêu 935 điểm. Dừng lỗ >960 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mở	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	960	3.2	0.3%	48,964,120			
VN30F1809	959	8.5	0.9%	91,254	13,988	20/09/2018	6
VN30F1810	956	6.4	0.7%	558	557	18/10/2018	34
VN30F1812	955	7.2	0.8%	42	610	20/12/2018	97
VN30F1903	956	8.5	0.9%	59	211	21/03/2019	188



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815

MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600
MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
17/09/2018	CMG	HSX	Trả cổ tức bằng tiền (800 đ/cp), bằng cp (tỷ lệ 100:7)
17/09/2018	SFN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)
18/09/2018	GIL	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2017 (tỷ lệ 100:37)
18/09/2018	CE1	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)
18/09/2018	LBC	Upcom	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 37.6%)
19/09/2018	HSL	HSX	Trả cổ tức năm 2016 và năm 2017 (tỷ lệ 4:1)
19/09/2018	PVO	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trả cổ tức bằng tiền mặt (200đ/cp)
19/09/2018	HDB	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
19/09/2018	HCC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000đ/cp)
20/09/2018	VNF	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
20/09/2018	HAT	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
20/09/2018	SNZ	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)
20/09/2018	SPP	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%), trả cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 35%)
21/09/2018	HU6	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.800đ/cp)
21/09/2018	KDH	HSX	Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền (500 đ/cp), bằng cp (100:5)
21/09/2018	PCN	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018

Liên hệ:

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.